

HÀM Ý NGÔN NGỮ VÀ TRIẾT LÝ VĂN HÓA CỦA SỰ IM LẶNG TRONG CA DAO, TỤC NGỮ VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Nhận bài ngày 06/5/2026. Sửa chữa xong 10/6/2026. Duyệt đăng 20/6/2026.

Abstract

Silence is a universal communicative phenomenon that carries specific cultural meanings within different linguistic communities. In Vietnamese culture, silence is not merely the absence of speech but also a highly nuanced mode of implicit expression. This study examines various manifestations of silence in Vietnamese folk verses and proverbs from pragmatic and cultural perspectives. It aims to elucidate the role of silence as a meaningful implicit device in communication, while concurrently identifying the philosophical and cultural foundations that shape the 'culture of silence' in the daily lives of the Vietnamese people.

Keywords: Communication, cultural philosophy, implication, implicit meaning, silence, Vietnamese culture.

1. Đặt vấn đề

Sự im lặng là một hiện tượng giao tiếp phổ quát nhưng mang những ý nghĩa văn hóa đặc thù trong từng cộng đồng ngôn ngữ. Trong văn hóa Việt Nam, im lặng không đơn thuần là sự vắng mặt của lời nói mà còn là một phương thức biểu đạt giàu hàm ý. Nghiên cứu chỉ ra các biểu hiện của sự im lặng trong ca dao, tục ngữ Việt Nam từ góc nhìn ngữ dụng học và văn hóa học. Ngôn ngữ Tiếng Việt được coi là một trong những ngôn ngữ có ngữ cảnh cao. Trong giao tiếp, người Việt thường có xu hướng diễn đạt mọi suy nghĩ của mình một cách gián tiếp. Nhiều thông điệp được chuyển tải thông qua ngữ cảnh, qua cách nói vòng, nói tránh hoặc thậm chí thông qua sự im lặng. Về mặt ngữ dụng học, Phạm Văn Tình đã nhận định: "Trên quan điểm giao tiếp, sự im lặng giữa chừng ẩn chứa một thái độ. Người ta có thể không muốn tiếp tục cuộc thoại vì cho là vô bổ, không cần thiết nhưng có nhiều lúc, người nói rơi vào tình huống lúng túng, khó trao lời hoặc chưa tìm ra một cách trao lời thích hợp. Thay cho một câu đáp cần có, họ chọn sự im lặng và ngấm chờ đợi một diễn biến mới (có khi từ phía người đang đối thoại) để tiếp tục cuộc thoại. Theo chúng tôi, đó là sự tính lược toàn phần có giá trị giao tiếp" (Phạm Văn Tình, 2020), ông cũng đưa ra ý kiến về "tính lược bỏ trống hoàn toàn phát ngôn" là "hành vi im lặng" (Phạm Văn Tình, 2018). Nghiên cứu này góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa hàm ý ngôn ngữ và triết lý ứng xử trong văn hóa truyền thống Việt Nam, chứng minh im lặng vừa là phương tiện tạo lập hàm ý, vừa là phương thức văn hóa mang nghĩa hàm ẩn.

Ca dao, tục ngữ là bộ phận quan trọng của kho tàng văn học dân gian Việt Nam, phản ánh kinh nghiệm sống, chuẩn mực đạo đức và triết lý ứng xử của cộng đồng người Việt qua nhiều thế hệ. Có thể khẳng định ca dao, tục ngữ không chỉ lưu giữ tri thức dân gian mà còn là kết tinh các giá trị văn hóa dân tộc. Điểm đáng chú ý là trong kho tàng ca dao, tục ngữ Việt Nam, số lượng đơn vị ngôn ngữ đề cập đến việc "nói ít", "nghe nhiều", "giữ miệng", "nhẫn nhịn", "suy xét trước khi nói"... xuất hiện với tần suất rất cao. Điều này phản ánh một hệ giá trị văn hóa truyền thống vốn đã đề cao sự tiết chế ngôn từ và khả năng kiểm soát lời nói trong hoạt động giao tiếp ở Việt Nam. Đề tài này kết nối ba lĩnh vực: ngữ dụng học (pragmatics), văn hóa học và văn học dân gian. Trong ca dao, tục ngữ Việt Nam, sự im lặng không chỉ là trạng thái không nói mà còn là một hình thức giao tiếp giàu hàm ý, phản ánh triết lý ứng xử của

Email: hangthu98@gmail.com

người Việt: trọng hòa khí, trọng tình cảm, đề cao sự tự hiểu và tự ngộ hơn là phát ngôn trực diện. Như vậy, nghiên cứu sự im lặng trong ca dao tục ngữ, vốn là loại hình văn học dân gian Việt Nam, vừa có thể tìm hiểu nghĩa hàm ẩn nằm dưới ngụ ý câu chữ, vừa có thể thấy được một chiến lược giao tiếp tinh tế trong dân gian, vừa nhìn rõ phản ánh những triết lý ứng xử đặc trưng của người Việt như: trọng tình hơn lý, đề cao sự nhẫn nhịn, giữ gìn hòa khí cộng đồng và hướng đến sự tự giác nhận thức.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Hàm ý ngôn ngữ

Theo quan điểm của ngữ dụng học hiện đại, hàm ý là phần ý nghĩa không được phát ngôn trực tiếp nhưng người nghe có thể suy ra từ ngữ cảnh giao tiếp. Trong giao tiếp tự nhiên, nhiều khi điều quan trọng không nằm ở cái được nói ra mà nằm ở cái không nói ra. Sự im lặng vì thế có thể được xem là một dạng “phát ngôn bằng vắng mặt ngôn từ”. Người nghe phải dựa vào tri thức văn hóa, bối cảnh và quan hệ xã hội để giải mã ý nghĩa tiềm ẩn. Theo quan điểm của ngữ dụng học hiện đại, hàm ý là phần ý nghĩa không được phát ngôn trực tiếp nhưng người nghe có thể suy ra từ ngữ cảnh giao tiếp. Trong giao tiếp tự nhiên, nhiều khi điều quan trọng không nằm ở cái được nói ra mà nằm ở cái không nói ra. Nguyễn Thị Tố Ninh nhận định: “Chúng tôi quan niệm nghĩa hàm ẩn là những thông tin không được thể hiện trong ý nghĩa nguyên văn của từ ngữ và các mối quan hệ cú pháp của câu nhưng có thể nhận biết nhờ suy ý từ hiển ngôn, hoàn cảnh phát ngôn và quy tắc điều khiển hành vi ngôn ngữ, điều khiển lập luận, điều khiển hội thoại...” (Nguyễn Thị Tố Ninh, 2014).

Sự im lặng vì thế có thể được xem là một dạng “phát ngôn bằng vắng mặt ngôn từ”. Người nghe phải dựa vào tri thức văn hóa, bối cảnh và quan hệ xã hội để giải mã ý nghĩa tiềm ẩn. Đỗ Hữu Châu đã khái quát: “Hiệu lực giao tiếp của một ngôn ngữ không thể quy về chỉ một số những cách dùng của ngôn ngữ đó. Những quy ước về cách dùng của một ngôn ngữ dù có được phát hiện ra chi tiết đến đâu cũng không bao giờ đầy đủ bởi vì sự tuân thủ quy ước trong giao tiếp luôn đi kèm với sự phá vỡ quy ước như hình với bóng” (Đỗ Hữu Châu, 2005). Vì vậy, nghiên cứu sự im lặng trong ca dao, tục ngữ không chỉ giúp hiểu rõ cơ chế tạo lập hàm ý mà còn góp phần nhận diện những đặc trưng của văn hóa giao tiếp Việt Nam.

2.2. Triết lý văn hóa của sự im lặng

2.2.1. Sự im lặng như một hành vi giao tiếp

Trong nghiên cứu văn hóa giao tiếp phương Đông, im lặng thường mang những chức năng xã hội quan trọng: Thể hiện sự tôn trọng, tránh xung đột, bảo toàn thể diện, bộc lộ cảm xúc khó diễn đạt bằng lời, có thời gian cho sự suy ngẫm... Những chức năng này xuất hiện khá rõ trong văn hóa Việt Nam, vốn chịu ảnh hưởng đồng thời của Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Các giá trị văn hóa ấy đã góp phần hình thành phong cách giao tiếp thiên về hàm ẩn của người Việt.

2.2.2. Triết lý ứng xử thể hiện qua sự im lặng

Triết lý trọng hòa khí thể hiện việc người Việt truyền thống sống trong môi trường làng xã, nơi các mối quan hệ cộng đồng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi vậy, nhiều khi im lặng được lựa chọn để tránh đối đầu. Triết lý này được thể hiện qua các quan niệm: *Dĩ hòa vi quý*, *Chín bỏ làm mười*, *Một điều nhịn chín điều lành* (Vũ Dung, Vũ Thúy Anh, 2021). Mục tiêu cao nhất của sự im lặng là duy trì sự ổn định của cộng đồng. Ý tại ngôn ngoại là thành ngữ giải mã cho rất nhiều ngôn từ ẩn.

2.2.3. Triết lý trọng tình hơn lý

Trong văn hóa Việt Nam, yếu tố tình cảm thường được đặt lên trước tính duy lý. Câu thành ngữ: *Một trăm cái lý không bằng một tý cái tình* là minh chứng cho quan niệm này. Do đó, sự im lặng nhiều khi là cách bảo vệ tình cảm giữa người với người. Người Việt có xu hướng hiểu ngầm, tự suy và tự cảm. Thay vì yêu cầu đối phương nói hết mọi điều, họ coi trọng khả năng đồng cảm và tự thấu hiểu.

2.2.4. Triết lý khiêm nhường

Người Việt đánh giá cao đức tính khiêm tốn. Các câu tục ngữ như: *Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa*

cột mà nghe (Vũ Dung, Vũ Thúy Anh, 2021) đều khuyến khích con người biết lắng nghe trước khi phát ngôn. Im lặng trong trường hợp này là biểu hiện của sự tự trọng và ý thức về giới hạn của bản thân.

2.2.5. Triết lý hướng nội

Sự im lặng còn phản ánh xu hướng hướng nội trong văn hóa phương Đông. Thay vì tìm kiếm chân lý qua tranh luận công khai, người Việt truyền thống thường đề cao: Sự chiêm nghiệm, tự vấn và tu dưỡng nội tâm. Đây cũng là nền tảng của nhiều chuẩn mực đạo đức trong xã hội truyền thống.

Văn hóa im lặng theo nghĩa ngữ dụng học và văn hóa học chính là hàng trăm câu nói về khả năng: nhìn, nghe, lựa lời, kín đáo, giữ hòa khí, tự kiểm chế phát ngôn...

2.3. Sự im lặng trong ca dao, tục ngữ Việt Nam

Ca dao, tục ngữ là bộ phận quan trọng của kho tàng văn học dân gian Việt Nam, phản ánh kinh nghiệm sống, chuẩn mực đạo đức và triết lý ứng xử của cộng đồng người Việt qua nhiều thế hệ. Các nhà nghiên cứu đều khẳng định rằng ca dao, tục ngữ không chỉ lưu giữ tri thức dân gian mà còn là nơi kết tinh các giá trị văn hóa dân tộc. Trong giao tiếp, người Việt thường không có xu hướng diễn đạt trực tiếp mọi suy nghĩ của mình. Nhiều thông điệp được chuyển tải thông qua ngữ cảnh, qua cách nói vòng, nói tránh hoặc thậm chí thông qua sự im lặng. Vì vậy, nghiên cứu sự im lặng trong ca dao, tục ngữ không chỉ giúp hiểu rõ cơ chế tạo lập hàm ý mà còn góp phần nhận diện những đặc trưng của văn hóa giao tiếp Việt Nam.

2.3.1. Im lặng như sự đồng thuận ngầm

Trong nhiều trường hợp, sự im lặng được hiểu như một sự chấp nhận. Ca dao giao duyên thường có những khoảng trống ngôn từ để người nghe tự suy ra hàm nghĩa mục tiêu: *Gặp đây anh nắm cổ tay/Gọi rằng bạn cũ có ngày gặp nhau*. Điều đáng chú ý là tình cảm không được nói trực tiếp. Hành động nắm cổ tay thay thế cho lời thổ lộ. Sự im lặng giữa hai nhân vật trở thành một tín hiệu giao tiếp giàu hàm ý.

Trong văn hóa Việt Nam, sự đồng cảm thường được biểu đạt bằng sự thấu hiểu hơn là bằng lời khẳng định. Điều này phản ánh lối giao tiếp “ý tại ngôn ngoại” vốn phổ biến trong xã hội truyền thống.

2.3.2. Im lặng như sự từ chối tế nhị

Người Việt thường tránh nói “không” một cách trực diện, vì vậy tục ngữ có câu: *Lời nói chẳng mất tiền mua/Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*. Câu tục ngữ không đề cập trực tiếp đến im lặng nhưng hàm ý rằng có những tình huống nên tiết chế lời nói. Việc không nói ra có thể là một cách từ chối lịch sự nhằm tránh làm tổn thương người khác. Trong nhiều bài ca dao tình yêu, sự lặng im của người con gái thường mang ý nghĩa từ chối kín đáo. Thay vì phủ nhận trực tiếp, nhân vật lựa chọn sự né tránh hoặc im lặng để giữ gìn thể diện cho cả hai phía.

2.3.3. Im lặng như sự nhẫn nại

Một đặc điểm nổi bật của triết lý ứng xử Việt Nam là đề cao chữ “nhẫn”. Nhiều câu tục ngữ khuyên con người biết kiềm chế: *Một điều nhịn, chín điều lành/Chín bỏ làm mười*. Những lời khuyên này hàm chứa một quan niệm rằng không phải lúc nào nói ra cũng là tốt nhất. Đôi khi sự im lặng là cách ứng xử khôn ngoan để bảo vệ các mối quan hệ xã hội. Im lặng ở đây không đồng nghĩa với yếu đuối mà là sự lựa chọn có ý thức nhằm duy trì sự hài hòa cộng đồng.

2.3.4. Im lặng như nỗi đau và sự chịu đựng

Ca dao than thân của người phụ nữ Việt Nam chứa đựng rất nhiều khoảng lặng: *Thân em như hạt mưa sa/Hạt vào đài cát, hạt ra ruộng cày*.

Người phụ nữ không trực tiếp than trách xã hội. Nỗi đau được gửi gắm qua hình ảnh ẩn dụ. Chính điều không nói ra mới tạo nên sức ám ảnh sâu sắc. Sự im lặng ở đây là tiếng nói của những số phận yếu thế trong xã hội truyền thống, nó phản ánh một tâm thức văn hóa coi trọng sự cam chịu hơn là phản kháng công khai.

2.3.5. Im lặng như một hình thức tự nhận thức

Nhiều câu tục ngữ Việt Nam đề cao việc suy ngẫm nội tâm: *Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói/Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe*. Các câu tục ngữ này nhấn mạnh giá trị của sự lắng nghe hơn là nói năng tùy tiện. Im lặng trở thành điều kiện để con người tự nhận thức, tự kiểm điểm và hoàn thiện bản thân. Đây là biểu hiện rõ nét của ảnh hưởng Nho giáo và Phật giáo trong văn hóa ứng xử Việt Nam.

2.3.6. Im lặng từ góc nhìn văn hóa

a. *Im lặng như sự lắng nghe*: Trong kho tàng tục ngữ, thành ngữ Việt Nam, sự im lặng thường được quan niệm trước hết như một biểu hiện của năng lực lắng nghe và tiếp nhận tri thức. Khác với cách hiểu thông thường xem im lặng là trạng thái thụ động hoặc thiếu vắng giao tiếp, người Việt truyền thống lại coi im lặng là một điều kiện cần thiết để học hỏi, suy ngẫm và tích lũy kinh nghiệm sống. Điều này được phản ánh rõ qua hàng loạt tục ngữ, thành ngữ như: *"Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe"*, *"Học ăn, học nói, học gói, học mở"*, *"Ăn có nhai, nói có nghĩ"*, *"Người khôn ít nói"*, *"Im lặng mà nghe"*, *"Khôn ngoan chẳng lọ nói nhiều"* (Vũ Dung, Vũ Thúy Anh, 2021) hay *"Tai nghe mắt thấy"*. Trong những phát ngôn dân gian này, việc nghe được đặt ở vị trí ưu tiên trước khi nói, thậm chí trở thành điều kiện để con người đạt tới sự khôn ngoan và trưởng thành trong ứng xử. Đặc biệt, câu tục ngữ *"Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe"* đã thể hiện rõ quan niệm đề cao sự khiêm nhường trong giao tiếp. Ở đây, hành vi "nghe" không chỉ đơn thuần là tiếp nhận thông tin mà còn là biểu hiện của ý thức tự nhận thức về giới hạn hiểu biết của bản thân. Tương tự, câu *"Người khôn ít nói"* hay *"Khôn ngoan chẳng lọ nói nhiều"* cho thấy trong hệ giá trị truyền thống của người Việt, sự khôn ngoan không được đánh giá qua khả năng diễn ngôn dài dòng mà qua năng lực quan sát, lắng nghe và suy xét trước khi phát ngôn. Điều này phản ánh một đặc điểm nổi bật của văn hóa giao tiếp Việt Nam: coi trọng chiều sâu của nhận thức hơn sự phô bày ngôn từ. Bên cạnh đó, các câu tục ngữ *"Ăn có nhai, nói có nghĩ"* và *"Nghe người ta nói cũng phải nghĩ"* còn nhấn mạnh vai trò của quá trình tư duy nội tâm. Người Việt không khuyến khích việc tiếp nhận hoặc phát ngôn một cách tức thời mà đề cao sự nghiền ngẫm, cân nhắc và đánh giá trước khi đưa ra phản hồi. Trong trường hợp này, im lặng chính là khoảng thời gian cần thiết cho hoạt động suy tư và kiểm chứng nhận thức, nó tạo nên một "không gian văn hóa của sự suy ngẫm", nơi con người tự đối thoại với chính mình trước khi đối thoại với người khác.

b. *Im lặng như sự nhẫn nhịn*: Trong hệ thống tục ngữ, thành ngữ Việt Nam, sự im lặng không chỉ được nhìn nhận như một phương thức tiếp nhận tri thức mà còn được đề cao như một biểu hiện của đức tính nhẫn nhịn trong ứng xử xã hội. Nhiều câu tục ngữ như: *"Một điều nhịn, chín điều lành"*, *"Một câu nhịn, chín câu lành"*, *"Chín bỏ làm mười"*, *"Dĩ hòa vi quý"*, *"Nhịn lành hơn tranh"*, *"Nhịn miệng qua cơn sóng gió"*, *"Nhịn được thì sống"*, *"Lùi một bước biển rộng trời cao"*, *"Tránh voi chẳng xấu mặt nào"* hay câu ca dao *"Chồng giận thì vợ bớt lời/Cơm sôi nhỏ lửa một đời không khê"* đã phản ánh một quan niệm phổ biến trong văn hóa truyền thống Việt Nam: sự kiềm chế lời nói và khả năng nhẫn nhịn được xem là giải pháp hữu hiệu để hóa giải mâu thuẫn, duy trì các mối quan hệ xã hội và bảo vệ sự ổn định của cộng đồng. Đặc biệt, câu ca dao *"Chồng giận thì vợ bớt lời/Cơm sôi nhỏ lửa một đời không khê"* (Vũ Ngọc Phan, 2017) đã sử dụng hình ảnh ẩn dụ đời thường để diễn tả triết lý nhẫn nhịn trong đời sống gia đình. Hình ảnh "cơm sôi nhỏ lửa" hàm ý rằng những xung đột trong quan hệ vợ chồng cũng cần được điều tiết bằng sự mềm mỏng và tiết chế lời nói. Sự "bớt lời" ở đây không phải là sự cam chịu tuyệt đối mà là một cách thức ứng xử nhằm tránh cho mâu thuẫn phát triển thành đổ vỡ. Điều này cho thấy trong quan niệm dân gian Việt Nam, im lặng nhiều khi không phải là sự từ bỏ tiếng nói của bản thân mà là một lựa chọn mang tính chiến lược để hướng tới sự hài hòa và bền vững trong các mối quan hệ.

Như vậy, qua hệ thống tục ngữ, thành ngữ và ca dao dân gian, có thể thấy rằng sự im lặng trong văn hóa Việt Nam thường gắn liền với triết lý nhẫn nhịn. Đây là một dạng im lặng mang hàm ý ứng xử, phản ánh quan niệm đề cao sự kiềm chế, lòng bao dung và tinh thần hòa giải trong đời sống cộng đồng. Từ đó, im lặng không còn là khoảng trống của giao tiếp mà trở thành một phương tiện giao tiếp đặc biệt, giúp con người kiểm soát cảm xúc, hạn chế xung đột và duy trì những giá trị cốt lõi của văn hóa ứng xử Việt Nam.

c. *Im lặng để giữ thể diện*: Trong văn hóa giao tiếp Việt Nam, sự im lặng không chỉ là biểu hiện của lắng nghe hay nhẩn nhin mà còn là một phương thức quan trọng để bảo vệ thể diện của bản thân và người đối thoại. Điều này được phản ánh rõ qua nhiều câu tục ngữ, thành ngữ quen thuộc như: *“Lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”*, *“Chim khôn kêu tiếng rảnh rang, người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe”* (Vũ Ngọc Phan, 2017), *“Nói ngọt lọt đến xương”*, *“Lời nói gói vàng”*, *“Nói có đầu có đuôi”* và *“Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói”*. Mặc dù các phát ngôn dân gian này không trực tiếp đề cập đến sự im lặng nhưng chúng đều hàm chứa một nguyên tắc giao tiếp quan trọng: không phải điều gì cũng cần nói ra và không phải điều gì đúng cũng nên được phát ngôn một cách trực diện. Trong nhiều trường hợp, sự tiết chế lời nói, thậm chí chủ động im lặng, được xem là biểu hiện của sự khôn ngoan và tinh tế trong ứng xử. Đáng chú ý, tục ngữ Việt Nam thường không đề cao tính thẳng thắn tuyệt đối mà nhấn mạnh yêu cầu lựa chọn cách nói phù hợp với hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp. Câu *“Lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”* cho thấy giá trị của lời nói không chỉ nằm ở nội dung thông tin mà còn ở khả năng duy trì sự hài hòa trong quan hệ xã hội. Trong khi đó, câu *“Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói”* nhấn mạnh sự cần thiết của quá trình cân nhắc trước phát ngôn. Từ góc độ ngữ dụng học, khoảng dừng trước khi nói chính là một dạng “im lặng chiến lược”, cho phép người nói đánh giá tác động tiềm tàng của lời nói đối với người nghe. Sự im lặng trong trường hợp này không phải là sự thiếu hụt giao tiếp mà là một cơ chế kiểm soát giao tiếp nhằm tránh những phát ngôn gây tổn thương hoặc làm mất lòng đối phương.

Dưới ánh sáng của lý thuyết lịch sự (Politeness Theory) do Brown và Levinson đề xuất, nhiều câu tục ngữ trên phản ánh ý thức sâu sắc của người Việt về việc bảo vệ “thể diện” (face) trong tương tác xã hội. Theo đó, mọi cá nhân đều có nhu cầu được tôn trọng, được đánh giá tích cực và không bị xâm phạm quyền tự chủ của mình. Những phát ngôn mang tính chỉ trích, phủ nhận hoặc xúc phạm có thể trở thành các hành vi đe dọa thể diện (face-threatening acts). Do đó, thay vì nói thẳng hoặc nói hết những điều mình nghĩ, người Việt thường lựa chọn các chiến lược giao tiếp gián tiếp, nói giảm, nói tránh hoặc thậm chí im lặng để giảm thiểu nguy cơ làm tổn hại đến danh dự và lòng tự trọng của người khác. Có thể nói, trong nhiều trường hợp, sự im lặng chính là một phương tiện lịch sự đặc biệt nhằm bảo vệ thể diện cho cả hai phía trong cuộc giao tiếp. Như vậy, qua hệ thống tục ngữ và thành ngữ dân gian, có thể thấy sự im lặng trong văn hóa Việt Nam còn mang chức năng bảo vệ thể diện. Đây là một dạng im lặng mang tính lịch sự và chiến lược, được sử dụng để hạn chế xung đột, duy trì sự tôn trọng lẫn nhau và bảo đảm tính hài hòa trong các mối quan hệ xã hội. Từ góc độ ngữ dụng học, sự im lặng này là một phương tiện tạo lập hàm ý; còn từ góc độ văn hóa học, nó phản ánh triết lý ứng xử đề cao sự tế nhị, mềm mỏng và ý thức cộng đồng của người Việt. Chính sự kết hợp giữa tiết chế ngôn từ và tôn trọng thể diện đã góp phần hình thành một phong cách giao tiếp đặc trưng, trong đó cái không nói ra nhiều khi lại chứa đựng những thông điệp quan trọng hơn cả lời nói trực tiếp.

d. *Im lặng để tiếp nhận tri thức và tích lũy kinh nghiệm*: Trong quan niệm truyền thống của người Việt, sự im lặng không chỉ là biểu hiện của phép lịch sự hay sự nhẩn nhin mà còn là một phương thức quan trọng để học hỏi và tiếp nhận tri thức. Điều này được phản ánh qua nhiều thành ngữ, tục ngữ như: *“Khôn ngoan chẳng lọ nói nhiều”*, *“Người khôn ít nói”*, *“Nghe một biết mười”* và *“Nói ít hiểu nhiều”*. Các phát ngôn dân gian này cho thấy một quan niệm khá nhất quán rằng tri thức và sự khôn ngoan không nằm ở khả năng nói nhiều hay tranh luận nhiều mà ở năng lực lắng nghe, quan sát và suy ngẫm. Trong hệ giá trị văn hóa Việt Nam, người được đánh giá là khôn ngoan thường không phải là người luôn tìm cách thể hiện mình qua lời nói mà là người biết tiết chế phát ngôn để dành không gian cho việc tiếp nhận và xử lý thông tin. Tương tự, các câu *“Khôn ngoan chẳng lọ nói nhiều”* và *“Người khôn ít nói”* phản ánh một triết lý ứng xử đặc trưng của người Việt: lời nói chỉ thực sự có giá trị khi được đặt trên nền tảng của hiểu biết và suy xét. Trong nhận thức dân gian, người nói quá nhiều thường dễ bộc lộ thiếu sót hoặc phạm phải những sai lầm trong giao tiếp, trong khi người biết im lặng đúng lúc lại có cơ hội quan sát và học hỏi từ người khác. Im lặng vì thế không phải là khoảng trống của giao tiếp mà là không gian của nhận thức, nơi tri thức được hình thành từ sự lắng nghe, quan sát và suy ngẫm trước khi chuyển hóa thành lời nói và hành động.

Xem tiếp trang 68